

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn huyện Tam Đường**

*Căn cứ Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về “Thông qua Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025;*

*Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025;*

UBND huyện xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025 với nội dung như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 39/2019/NQ-HĐND, ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025.

### **2. Yêu cầu**

Cụ thể hóa Đề án của UBND tỉnh Lai Châu về phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2020 -2025 vào điều kiện cụ thể của huyện để lãnh đạo, chỉ đạo; xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo đồng bộ, rõ việc, rõ người và lộ trình thực hiện.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Mục tiêu đến năm 2025**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Khai thác có hiệu quả, hợp lý tiềm năng lợi thế để phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn, nâng cao trình độ sản xuất của người dân. Tập trung nâng cao năng suất, chất lượng nông sản, tăng thu nhập cho người nông dân. Đẩy nhanh giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Tam Đường lần thứ XX nhiệm kỳ 2020-2025.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể**

(1) Đảm bảo an ninh lương thực, tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 23.300 tấn; bình quân lương thực đầu người đạt trên 723,5 kg/người/năm.

(2) Trồng mới 180 ha cây ăn quả, nâng tổng diện tích trên 512 ha.

(3) Tập trung phát triển vùng chè chất lượng cao, trồng chè mới 627,3 ha (năm 2020: 227,3ha; năm 2021-2025: 400ha), nâng tổng diện tích trên 1.796 ha. Bảo tồn và phát triển (trồng bổ sung và phát triển trồng mới) vùng chè cổ thụ 140 ha gắn với du lịch.

(4) Trồng mới 0,5 ha Sâm Lai Châu; 01 ha bảy lá một hoa tại những vùng có điều kiện thuận lợi phát triển.

(5) Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 5%/năm.

(6) 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

## **2. Nhiệm vụ**

### **2.1. Về trồng trọt**

- *Cây lúa*: Đảm bảo an ninh lương thực tại các xã đặc biệt khó khăn. Tổng diện tích 2.913 ha; năng suất bình quân đạt 52,2 tạ/ha, sản lượng 15.203 tấn. Phát triển lúa hàng hóa tập trung 190 ha, sản lượng đạt 1.026 tấn.

- *Cây ngô*: Chuyển đổi khoảng 173 ha ngô sang trồng cây có giá trị kinh tế cao; đến 2025 diện tích 2.189 ha; năng suất 37 tạ/ha, sản lượng 8.097 tấn.

- *Cây chè*: Giai đoạn 2020-2025, trồng mới 627,3 ha chè chất lượng cao, nâng tổng diện tích trên 1.796 ha. Trồng bổ sung và phát triển trồng mới 140 ha chè cổ thụ gắn với thành lập hợp tác xã, thu hút liên kết doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- *Cây ăn quả*: Tập trung đầu tư chăm sóc, thâm canh diện tích cây ăn quả hiện có, phát triển trồng mới 180 ha; tập trung hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, phát huy hiệu quả vườn cây, tạo ra sản phẩm hàng hóa có mẫu mã và chất lượng; triển khai xây dựng nhãn hiệu hành hóa cho sản phẩm Lê Tam Đường. Chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa, ngô kém hiệu quả sang phát triển một số cây trồng có hiệu quả kinh tế cao (cây chuối, chanh leo), từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung.

- *Cây dược liệu*: Duy trì ổn định, chăm sóc để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho 89,5 ha Thảo quả; đầu tư trồng mới 0,5ha sâm Lai Châu, 01 ha cây bảy lá một hoa; kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển khoảng 20-30 ha cây dược liệu dưới tán rừng tại các xã có điều kiện phát triển.

### **2.2. Về chăn nuôi, thủy sản**

Thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quản lý phát triển chăn nuôi, khai thác sử dụng có hiệu quả các mô hình hợp tác xã liên kết chăn nuôi. Phát

triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng bán công nghiệp, gắn với trồng cỏ, chuyển từ mục tiêu chăn nuôi lấy sức kéo sang mục tiêu sản xuất thực phẩm hàng hóa; phát triển chăn nuôi gia cầm theo quy mô gia trại, hộ gia đình, phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng vùng. Áp dụng các biện pháp thâm canh diện tích ao hiện có, phát triển các giống có chất lượng cao, thời gian sinh trưởng ngắn phù hợp điều kiện của từng vùng. Thu hút các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân vào đầu tư xây dựng cơ sở chăn nuôi tập trung, phát triển nuôi cá nước lạnh.

### ***2.3. Về lâm nghiệp***

Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có; thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, tập trung bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng hiện có; khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư trồng rừng với loài cây lấy gỗ như giổi, lát, téch, bảo vệ rừng đầu nguồn; thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống của người dân; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, ngăn chặn kịp thời tình trạng phá rừng; tổ chức tốt việc khai thác, chế biến lâm sản theo quy hoạch.

### ***2.4. Về giao thông nội đồng và các hạ tầng khác***

- *Giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ*: Giai đoạn 2020-2025 hỗ trợ đầu tư mở mới 09 km đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ theo tiêu chuẩn đường cấp B để quản lý, chăm sóc, bảo vệ gắn với du lịch tại Tả Lèng. Hỗ trợ mở mới nền đường với mức 500 triệu đồng/km (theo đề án phát triển hạ tầng thiết yếu tại các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa giai đoạn 2016-2020); hỗ trợ làm bê tông mặt đường mức 750 triệu đồng/km (bao gồm cống và rãnh thoát nước ở một số vị trí sung yếu).

- *Các hạ tầng khác*: Đối với các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; đường trục xã, bản; đường nội đồng vùng chè, vùng lúa thực hiện theo các Chương trình hiện hành.

### ***2.5. Về xây dựng nông thôn mới***

Tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn. Duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã đạt chuẩn; đến năm 2025 có 8/8 xã đặc biệt khó khăn đạt tiêu chí nông thôn mới.

### ***2.6. Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật***

Tiếp tục xây dựng, thực hiện và đưa các mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm nâng cao trình độ sản xuất cho người dân. Hàng năm thực hiện các mô hình khuyến nông tập trung vào các sản phẩm chủ lực và sản phẩm có thế mạnh từng vùng nhằm nhân rộng mô hình và chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất cho người nông dân, thúc đẩy sản xuất phát triển.

## **III. NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ**

**1. Tổng kinh phí: 116.979,41 triệu đồng, trong đó:**

- Hỗ trợ sản xuất lúa thuần 43.423,8 triệu đồng;
- Hỗ trợ sản xuất ngô lai 17.629,86 triệu đồng;
- Hỗ trợ trồng chè 24.853 triệu đồng;
- Hỗ trợ trồng chè cổ thụ 5.908 triệu đồng;
- Hỗ trợ trồng cây ăn quả 1.280 triệu đồng;
- Hỗ trợ trồng cây Dược liệu 3.034,75 triệu đồng;
- Phát triển đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ 11.250 triệu đồng;
- Hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật 9.600 triệu đồng.

**2. Phân kỳ đầu tư**

- Năm 2020: 20.345,61 triệu đồng.
- Năm 2021: 26.931,61 triệu đồng.
- Năm 2022: 27.324,61 triệu đồng.
- Năm 2023: 13.361,61 triệu đồng.
- Năm 2024: 15.653,86 triệu đồng.
- Năm 2025: 13.362,11 triệu đồng.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Đẩy mạnh tuyên truyền, học tập, quán triệt Đề án; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện**

Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn nhằm tạo sự đồng thuận, nâng cao nhận thức, sự cần thiết, tầm quan trọng và nội dung của đề án. Trong đó tập trung tuyên truyền về sự cần thiết, tính tất yếu, chủ trương, chính sách, các mô hình liên kết, mô hình sản xuất hàng hóa có nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý sản phẩm và các nội dung chính của đề án phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn, tạo sự đồng thuận cao trong hệ thống chính trị, sự hưởng ứng tích cực của các tổ chức cá nhân và Nhân dân.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và nâng cao chất lượng, hiệu quả, đổi mới phương thức kiểm tra, giám sát từ huyện đến cơ sở; chú trọng sự tham gia giám sát của cộng đồng. Sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm để điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn; động viên, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện.

**2. Giải pháp về đất đai**

Thực hiện tốt các chính sách về đất đai, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương, chuyển đổi diện tích đất canh tác kém hiệu quả sang phát triển cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế, tạo sản phẩm hàng hóa. Khuyến khích nông dân góp giá trị quyền sử dụng đất để hợp tác đầu tư cùng doanh nghiệp; khuyến khích chuyển nhượng, tích tụ ruộng đất để tạo vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn. rà soát, điều chỉnh quy hoạch, đề án đã được phê duyệt, để hình thành các vùng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, tập trung.

### **3. Giải pháp về khoa học kỹ thuật**

Tăng cường công tác tập huấn chuyển giao khoa học công nghệ; đưa các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất, phù hợp với nhu cầu của thị trường, phù hợp với từng vùng sinh thái. Xây dựng mô hình trình diễn chuyển giao khoa học công nghệ cho người dân về quy trình sản xuất an toàn vệ sinh thực phẩm, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, tạo ra sản phẩm sạch, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thực hiện hỗ trợ cho người dân các loại giống cây trồng vật nuôi đảm bảo chất lượng, nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, sạch bệnh cho năng suất chất lượng cao. Hỗ trợ cây trồng, vật nuôi phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của người dân và điều kiện thực tế đất đai, khí hậu, trình độ canh tác. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong sơ chế, bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, chú trọng cây ăn quả, cây dược liệu. Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý đối với những nông sản có lợi thế, thế mạnh của vùng.

### **4. Giải pháp về tổ chức sản xuất**

Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; phát triển hợp tác xã nông nghiệp, phát triển trang trại theo hướng sản xuất hàng hóa, chất lượng cao theo hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào - tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân. Khuyến khích các hộ cá thể liên kết thành tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX đủ năng lực cạnh tranh, thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong tình hình mới.

### **5. Giải pháp về thị trường**

Khuyến khích tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, vật tư nông nghiệp trên địa bàn huyện. Khuyến khích phát triển dịch vụ chuyển giao KHKT nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn; tăng cường tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại để thúc đẩy sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan nghiên cứu, các đơn vị dịch vụ tham gia chuyển giao khoa học kỹ thuật; tăng cường xây dựng hệ thống cung cấp thông tin, dự báo thị trường và thông tin quảng bá các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của huyện; tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và liên

doanh, liên kết giữa các nhà máy chế biến với các vùng nguyên liệu, thực hiện tốt chương trình liên kết 4 nhà.

## **6. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, phát huy có hiệu quả các nguồn lực**

Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, xây dựng chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp; chính sách khuyến khích phát triển các hình thức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ.

Huy động và tập trung nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, tạo khâu đột phá để phát triển. Thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, chính sách về nông nghiệp, nông thôn. Tranh thủ huy động các nguồn vốn của tổ chức, cá nhân để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng, bảo dưỡng công trình kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành đoàn thể, UBND các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch này; hàng năm cụ thể hoá các nội dung của kế hoạch vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện; hướng dẫn các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện đề án; tham mưu cho UBND huyện định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo tình hình triển khai và kết quả thực hiện.

### **2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Tham mưu, bố trí các nguồn vốn triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung nhiệm vụ theo Kế hoạch; bố trí đủ nguồn lực theo phân bổ của Trung ương, Tỉnh và khả năng cân đối của ngân sách huyện, kịp thời thực hiện các chính sách hỗ trợ các chương trình nông nghiệp trọng điểm của huyện.

### **3. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

Nghiên cứu tham mưu cho huyện giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường tiêu thụ hàng nông sản; hỗ trợ quảng bá sản phẩm hàng hóa; khuyến khích, hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với sản xuất công nghiệp và thị trường tiêu thụ. Tham mưu cho UBND huyện lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện công trình đường giao thông nội đồng vùng chè cổ thụ theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản hiện hành.

**4. Phòng Tài nguyên và Môi trường:** Phối hợp với UBND các xã đặc biệt khó khăn rà soát, kiểm soát, điều chỉnh bổ sung vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện. Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các trình

tự, thủ tục, chính sách có liên quan đến lĩnh vực đất đai trong sử dụng đất nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ tài nguyên môi trường, đa dạng sinh học theo hướng thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

**5. Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT chi nhánh huyện Tam Đường; Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện:** Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp đã ban hành; tạo điều kiện cho người dân lập hồ sơ hồ sơ, thủ tục vay vốn để người dân có điều kiện đầu tư phát triển sản xuất.

**6. Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện:** Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cho UBND huyện xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện đề án bảo tồn và phát triển vùng chè cổ thụ theo quy định.

**7. Các cơ quan, ban, ngành huyện:** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng và tham gia thực hiện các nội dung của của kế hoạch.

**8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể:** Phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền sâu rộng nội dung của Đề án đến toàn thể đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

**9. UBND các xã đặc biệt khó khăn:** Xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025 hoàn thành, báo cáo UBND tỉnh, huyện trong tháng 12 năm 2020. Trên cơ sở Quy hoạch xây dựng NTM, chủ động rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào Quy hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt và tích cực triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung kế hoạch; các chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện về Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2020-2025 của UBND huyện Tam Đường./.

**Nơi nhận:**

- Sở NN&PTNT tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã vùng Đề án;
- Lưư: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Văn Sứng**